

Số: *14*/2021/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *14* tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng 46,44ha đất trồng lúa và 0,4ha đất rừng phòng hộ để thực hiện 30 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Danh mục chi tiết kèm theo). *Me*



Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan rà soát đảm bảo: chính xác về tên dự án, địa điểm, diện tích; đúng quy hoạch; đúng mục đích sử dụng đất; đúng quy trình và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan trước khi tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2021. / Whe

Nơi nhận:

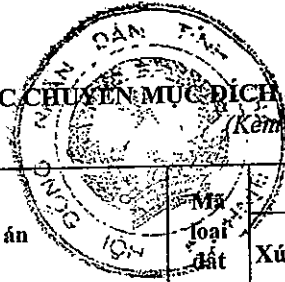
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP. Phuy



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành

DANH MỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)




TT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m ²)					Ghi chú
			Xứ đồng, thôn	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất				
							Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Đất giao thông	DGT				112.121,00	72.778,00	-	16.142,50	23.200,50	
1	Quy hoạch đường Trần Phú kéo dài (từ khu 3,2 ha đến khu 26 ha)	DGT		Phú Xuân	Thành phố Thái Bình	10.000,00	3.000,00		4.100,00	2.900,00	
2	Quy hoạch đường Lê Quý Đôn kéo dài về phía Tây Bắc thành phố Thái Bình	DGT		Tân Bình, Tiền Phong, Phú Xuân	Thành phố Thái Bình	56.000,00	32.000,00		12.000,00	12.000,00	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn đoạn từ QL39 đến đê tả sông Trà Lý	DGT		Đông Hoàng	Đông Hưng	3.029,00	695,00		3,50	2.330,50	
4	Đường liên xã Chương Dương - Minh Phú (GDD2)	DGT		Chương Dương, Minh Phú	Đông Hưng	1.292,00	1.083,00		39,00	170,00	
5	Quy hoạch bãi đỗ xe	DGT	Bình Minh	Quỳnh Xá	Quỳnh Phụ	1.800,00	1.800,00				
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường tỉnh 456 (giai đoạn 1 từ QL10 đến xã An Dục)	DGT		An Lễ	Quỳnh Phụ	2.000,00	1.200,00			800,00	
7	Đường ĐH.72C và trục xã An Thanh	DGT		An Thanh	Quỳnh Phụ	10.000,00	8.000,00			2.000,00	
8	Đường từ thôn Lương Mỹ xã Quỳnh Hội đi xã An Vinh	DGT		Quỳnh Hội	Quỳnh Phụ	8.000,00	8.000,00				
9	Quy hoạch tuyến đường vào bãi rác thải sinh hoạt tập trung của huyện	DGT	An Chính, Thủ Chính	Nam Chính	Tiền Hải	20.000,00	17.000,00			3.000,00	
II	Đất thủy lợi	DTL				2.200,00	1.000,00			1.200,00	
10	Cải tạo hệ thống thoát nước thành phố Thái Bình - hạng mục nạo vét và kê sông Đoan Túc	DTL		Tiền Phong	Thành phố Thái Bình	700,00	700,00				

Nguyễn

TT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m ²)				Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất				
						Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác	
11	Xây mới công trình Hữu Trà Lý	DTL	Hồng Thái	Kiến Xương	1.500,00	300,00			1.200,00	Quyết định phê duyệt chủ trương số 1537/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh
III	Đất trụ sở cơ quan	TSC			4.000,00	4.000,00				
12	Quy hoạch trụ sở UBND xã	TSC	Tây Thượng Liệt	Đông Tân	Đông Hưng	4.000,00	4.000,00			
IV	Đất trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS			9.800,00		4.000,00		5.800,00	
13	Trạm khí tượng hải văn Ba Lạt	DTS	Cồn Vành	Nam Phú	Tiền Hải	9.800,00		4.000,00	5.800,00	
V	Đất ở tại nông thôn	ONT			103.900,00	94.900,00			9.000,00	
14	Quy hoạch khu dân cư (giáp trường Tiểu học xã và khu dân cư hiện có) gần ngã tư Gia Lễ	ONT	Gia Lễ	Đông Mỹ	Thành phố Thái Bình	54.000,00	45.000,00		9.000,00	Phục vụ tái định cư dự án đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn
15	Quy hoạch khu dân cư	ONT	Khu Bờ Ông Thôn Hùng Việt	Đông Hoàng	Đông Hưng	6.300,00	6.300,00			
16	Quy hoạch khu dân cư	ONT	Khu Cửa đình Thôn Hùng Việt	Đông Hoàng	Đông Hưng	2.700,00	2.700,00			
17	Quy hoạch dân cư	ONT	Xuân La	Quỳnh Xá	Quỳnh Phụ	1.000,00	1.000,00			
18	Quy hoạch dân cư	ONT	Nguyễn Xá 1, Nguyễn Xá 5 Lam Cầu 3	An Hiệp	Quỳnh Phụ	23.000,00	23.000,00			
19	Quy hoạch dân cư	ONT	Vũ Xá	An Đồng	Quỳnh Phụ	1.800,00	1.800,00			
20	Quy hoạch dân cư	ONT	Vũ Xá	An Đồng	Quỳnh Phụ	5.300,00	5.300,00			



TT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m ²)				Ghi chú	
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất					
						Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác		
21	Quy hoạch dân cư	ONT	Vũ Xá	An Đông	Quỳnh Phụ	4.600,00	4.600,00				
22	Quy hoạch dân cư	ONT	Cam Mỹ	An Ấp	Quỳnh Phụ	5.200,00	5.200,00				
VI	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD				40.000,00	38.000,00			2.000,00	
23	Quy hoạch đất giáo dục (Trường trung cấp công nghệ kỹ thuật Thăng Long)	DGD	Lộ Vị, Thần Khê	Thăng Long	Đông Hưng	40.000,00	38.000,00			2.000,00	
VII	Đất công trình năng lượng	DNL				52.610,00	36.709,00		880,00	15.021,00	
24	Đường dây và TBA 110kv Tiên Hải 2	DNL			Tiên Hải	8.000,00	8.000,00				
25	Cải tạo đường dây 110kv 172E3.3-173E11.9 Long Bối - Kiến Xương-Tiên Hải, Thái Bình	DNL			Tiên Hải	35.910,00	20.009,00		880,00	15.021,00	
26	Đường dây và TBA 110kv Kiến Xương 2, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	DNL		Thị trấn Kiến Xương	Kiến Xương	8.700,00	8.700,00				
VIII	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				222.200,00	217.000,00	-	-	5.200,00	
27	Dự án nhà máy kéo sợi Hải Hà	SKC	Thọ Vân	Thụy Quỳnh	Thái Thụy	96.000,00	91.000,00			5.000,00	Văn bản số 2102/UBND-KT ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh; chưa điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thụy Quỳnh; khu đất giáp quy hoạch đường tránh Hồng Quỳnh chưa xây dựng.
28	Mở rộng nhà máy nước Đông Trung của Công ty TNHH Tân Phát (xây dựng hồ trữ nước sạch)	SKC	Mỹ Đức	Đông Trung	Tiên Hải	8.000,00	8.000,00				Văn bản số 2422/UBND-NNTNMT ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh



TT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Diện tích đất sử dụng (m ²)					Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất					
						Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác		
29	Dự án nhà máy may công nghệ cao tại thị trấn Tiên Hải của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Đệ	SKC	tổ dân phố Hồng Phong	Thị trấn Tiên Hải	Tiên Hải	96.000,00	96.000,00				Văn bản số 2086/UBND-KT ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh
30	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (Nhà máy nước Đông Hưng 2, diện tích 2,2 ha; công trình thu nước sông và trạm bơm cấp 1, diện tích 0,02 ha)	SKC	Thượng Đạt, Phương Cúc	Đông Dương	Đông Hưng	22.200,00	22.000,00			200,00	
		Tổng				546.831,00	464.387,00	4.000,00	17.022,50	61.421,50	

ngã